| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 172/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 7 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Kim Kết.

Ông Trần Công Đoàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Hồng L, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trương Minh T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Hồng L và anh Trương Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan diểm. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống các đương sự có 03 con chung, gồm: Trương Huyền Tr, sinh năm 2002, Trương Tuyết B, sinh năm 2003 và Trương Tiểu M, sinh ngày 07/11/2009 (đang sống chung cùng với chị L). Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận, đối với Huyền Tr, Tuyết B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và giao Tiểu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản tự thỏa thuận, về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trương Hồng L và anh Trương Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Chị Trương Hồng L và anh Trương Minh T tự nguyện chung sống vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về phát sinh mâu thuẫn, được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được nên các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống và đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự, thấy rằng:

Đối với Trương Huyền Tr, sinh năm 2002 và Trương Tuyết B, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Đối với Trương Tiểu M, sinh ngày 07/11/2009 các đương sự thỏa thuận giao cho chị L nuôi dưỡng, thấy rằng: Việc thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của Tiểu M nên giữ nguyên cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận về nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Hồng L và anh Trương Minh T.

2. Về con chung: Giao Trương Tiểu M, sinh ngày 07/11/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Hồng L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0001391 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì chị L đã nộp xong án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**